

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 330/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Lê Văn Chuộng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 541/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Mộng T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, trong quá trình chung sống từ khi kết hôn đến nay vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông L hay ghen tuông, không đồng ý việc bà gặp gỡ bạn bè nên xảy ra cự cãi xô xát, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên khoảng 02 tháng nay bà không còn sống chung với ông L. Bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí T1 sinh ngày 08/6/2004, Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 26/4/2005, các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông thừa nhận có đánh bà T nhưng không gây ra thương tích, hai bên xô xát lẫn nhau chứ không chỉ có ông đánh bà T. Tuy nhiên ông vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí T1 sinh ngày 08/6/2004, Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 26/4/2005, các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Mộng T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông L xác định vẫn còn tình cảm với vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông L có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế từ lúc vợ chồng không còn chung sống, ông L không có động thái để hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, bà T và ông L không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Chí T1 sinh ngày 08/6/2004, Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 26/4/2005. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Mộng T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Võ Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002204 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý